

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2021

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khúc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thùy Linh – Nguyên Phó Bí Thư quận Đoàn Thốt Nốt
2. Ông Nguyễn Văn Thảo – Cán bộ Ủy ban nhân dân phường Trung Kiên

Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 342/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2020/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2020/ QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Lê Thị Ánh N**, sinh năm 1979 *có mặt*

Nơi cư trú: khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1978, *vắng lần 2 không lý do*

Nơi cư trú: khu vực C, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi ích được bảo vệ:

Cháu **Nguyễn Lê Minh T**, sinh ngày 17/5/2008, *đề nghị xét xử vắng mặt*

Nơi cư trú: khu vực D, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Giám hộ cho cháu T – chị Lê Thị Ánh N (mẹ ruột)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:

Chị và anh C tiến tới hôn nhân do tự quen biết nhau, tìm hiểu khoảng 5 năm, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2000, đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Lộc ngày 31/12/2002.

Đời sống hôn nhân hạnh phúc đến đầu năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau do anh C hay nhậu, chị khuyên nhưng anh C không thay đổi. Khi nhậu về thì không kiểm chế bản thân được và

cự cãi nhau với chị từ những chuyện nhỏ không đáng kể. Nhận thấy không tiếp tục chung sống cùng nhau nên đã sống ly thân từ 04/2020 cho đến nay, thời gian ly thân chị về nhà mẹ ruột sống, mỗi người sống một nơi và không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống.

Nay về tình cảm đối với anh C không còn nữa nên yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Về con chung: có 02 con chung cháu Nguyễn Lê Minh T1, sinh ngày 06/4/2001 và cháu Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 17/5/2008. Ngoài ra không còn con nuôi, riêng nào khác. Trong suốt thời gian ly thân cháu T sống với chị, khi ly hôn yêu cầu nuôi dưỡng cháu T đến khi thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu T1 đã thành niên, có sức khỏe, không bị mắc bệnh tật gì, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, riêng, nợ: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, vợ chồng có 02 con chung, về thời gian ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn như chị N trình bày đúng.

Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: nếu phải ly hôn anh giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Cháu T1 đã thành niên, có sức khỏe, không bị mắc bệnh tật gì, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tàn sản chung, riêng, nợ: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi ích được bảo vệ: cháu Nguyễn Lê Minh T1, cháu là con chung của chị N và anh C. Cha và mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ và không yêu cầu gì đối với cha.

Theo biên bản xác minh ngày 04/12/2020 của Tòa án, chị N và anh C là vợ chồng có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không rõ, anh chị đã sống ly thân với nhau. Vợ chồng có chung 02 con là cháu Nguyễn Lê Minh T1 và Nguyễn Lê Minh T, cháu T1 đã thành niên và không mắc bệnh tật gì, có khả năng lao động còn cháu T thì đang sống chung với chị N khi anh chị ly thân.

Phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: xin ly hôn với Nguyễn Văn C.

Về con chung: có 02 con chung cháu Nguyễn Lê Minh T1, sinh ngày 06/4/2001 và cháu Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 17/5/2008, khi ly hôn yêu cầu nuôi dưỡng cháu T đến khi thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu T1 đã thành niên, có sức khỏe, không bị mắc bệnh tật gì, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, riêng, nợ: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: chị Lê Thị Ánh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn C; Về con: giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng: chị Lê Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Xin ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại: khu vực C, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa cháu T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần 2 không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Hôn nhân giữa chị N và anh C là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau do anh C hay nhậu, chị khuyên nhưng anh C không thay đổi. Khi nhậu về thì không kiềm chế bản thân và cự cãi nhau với chị. Đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ 04/2020 và không còn quan tâm nhau cho đến nay. Tòa án đã thông báo cho anh chị đến Tòa để hòa giải, tạo điều kiện để anh chị bỏ qua mâu thuẫn, cùng nhau nuôi dạy con chung, anh C mong muốn đoàn tụ, nhưng chị N vẫn yêu cầu được ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình cảm của chị N đối với anh C đã không còn. Nếu kéo dài mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh C là phù hợp.

[2.2] Về con: anh chị thống nhất có 02 con chung cháu Nguyễn Lê Minh T1, sinh ngày 06/4/2001 và cháu Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 17/5/2008. Anh chị thống nhất khi ly hôn giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng đến khi thành niên, Cháu T1 đã thành niên, không bị mắc bệnh, có khả năng tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, công nhận sự tự nguyện, giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Cháu T1 đã thành niên, có sức khỏe không bị mắc bệnh nên không đặt vấn đề giải quyết. Người không trực tiếp nuôi

con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, riêng và nợ: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; 235; 262; 264; 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51, 53, 54, 56, 57, 59, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Ánh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 17/5/2008 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Lê Minh T1, sinh ngày 06/4/2001 đã thành niên, không bị mắc bệnh, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn C không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Ánh N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/012557 ngày 11/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Ánh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tp Cần Thơ;
- VKS quận Thốt Nốt;
- Chi THA dân sự quận Thốt Nốt;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Khúc Thị Hồng